



Nguồn vốn: Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh và ngân sách xã

ĐVT: Triệu đồng

ST T	Nội dung	Kế hoạch phân bổ vốn đầu tư công và chi thường xuyên năm 2026					Ghi chú
		Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó:				
			NSTW	NS tỉnh	NS cấp xã	Nguồn vốn CTMTQG gđ 2021-2025 (từ năm 2025 trở về trước chuyển sang năm 2026 thực hiện)	
	TỔNG CỘNG	7.353,37	4.949	920	594	890,37	
1	Vốn đầu tư	5.727,37	3.754	637	446	890,37	
2	Vốn sự nghiệp	1.626	1.195	283	148		

PHỤ LỤC TỔNG HỢP 1

DỰ KIẾN PHÂN BỐ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI, GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2026 - 2035, GIAI ĐOẠN I: TỪ NĂM 2026 ĐẾN NĂM 2030

Nguồn vốn: Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh và ngân sách xã

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2026 UBND xã Kon Braih)

ĐVT: Triệu đồng

ST T	Chủ đầu tư/ Đơn vị đầu mối giao kế hoạch vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026					Ghi chú
		Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó:				
			NSTW	NS tỉnh	NS cấp xã	Nguồn vốn CTMTQG gđ 2021-2025 (từ năm 2025 trở về trước chuyển sang năm 2026 thực hiện)	
	TỔNG CỘNG	5.727,37	3.754,00	637,00	446,00	890,37	
1	Phòng XD,NN&MT	890,37				890,37	
2	Chủ đầu tư Trung tâm Cung ứng dịch vụ Công ích xã	4.837	3.754	637	446		
*. Ngân sách cấp xã đối ứng 446 triệu đồng từ nguồn NS xã và các nguồn vốn hợp pháp khác							

*. Ngân sách cấp xã đối ứng 446 triệu đồng từ nguồn NS xã và các nguồn vốn hợp pháp khác

PHỤ LỤC 1.1

DỰ KIẾN PHÂN BỐ CHI TIẾT KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI, GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BẢO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2026 - 2035, GIAI ĐOẠN I: TỪ NĂM 2026 ĐẾN NĂM 2030

Nguồn vốn: Ngân sách trung ương, ngân sách cấp tỉnh và ngân sách xã
(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2026 UBND xã Kon Braih)

ST T	Chủ đầu tư/ Đơn vị đầu mối giao kế hoạch vốn là các đơn vị thuộc tỉnh	Chủ đầu tư	Địa điểm	Thời gian khởi công hoàn thành	Quy mô	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026					Ghi chú
							Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó				
								Ngân sách Trung ương	Ngân sách cấp Tỉnh	Ngân sách cấp xã	Nguồn vốn CTMTQG gđ 2021-2025 (từ năm 2025 trở về trước chuyển sang năm 2026 thực hiện)	
	TỔNG CỘNG					5.727,37	5.727	3.754	637	446	890,37	
I	HỢP PHẦN THỨ NHẤT					5.727,37	5.727	3.754	637	446	890,37	
*	Nội dung thành phần 02: Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn toàn diện, đồng bộ, hiện đại, kết nối hiệu quả với đô thị và thích ứng với biến đổi khí hậu					5.727,37	5.727	3.754	637	446	890,37	
-	Nội dung 01: Tiếp tục hoàn thiện và nâng cao chất lượng hệ thống hạ tầng giao thông (bao gồm cả cầu dân sinh, công trình giao thông) phục vụ dân sinh, sản xuất và kinh doanh trên địa bàn xã, thôn; hạ tầng giao thông kết nối liên xã, liên thôn theo hướng đồng bộ, hiện đại, thích ứng với biến đổi khí hậu, phù hợp với đặc thù vùng, miền và bảo đảm kết nối hiệu quả. Trong đó, tập trung, ưu tiên hỗ trợ đầu tư cho các xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào DTTS&MN, an toàn khu, biên giới và hải đảo					5.727,37	5.727,37 đ	3.754	637	446	890,37	
+	Đường đi khu sản xuất thôn 7, xã Kon Braih	TT CƯ'DVCI xã	Thôn 7, xã Kon Braih	2026	Công trình đường giao thông nông thôn loại B, Cấp IV	2.537	2.539	1.969	335	235		
+	Đường đi khu sản xuất thôn 9 (thôn Đak Pơ Kong cũ; đoạn từ trường tiểu học Kim Đồng đến giáp đường bê tông)		Thôn 9, xã Kon Braih	2026	Công trình đường giao thông nông thôn loại B, Cấp IV	2.300	2.298	1.785	302	211		
+	Nước sinh hoạt thôn 4 (làng Kon Nhên)	Phòng XD,NN&M T	Thôn 4, Xã Kon Braih	2026	Công trình hạ tầng kỹ thuật	526,97	526,97				526,97	
+	Sửa chữa Cầu treo thôn 3(Kon Rơ Pen)		Thôn 9, Xã Kon Braih	2026	Cầu treo dân sinh	363,4	363,4				363,40	

*. Ngân sách cấp xã đối ứng 446 triệu đồng từ nguồn NS xã và các nguồn vốn hợp pháp khác

PHỤ LỤC TỔNG HỢP 2

DỰ KIẾN PHÂN BỐ DỰ TOÁN KINH PHÍ CHI THƯỜNG XUYÊN NĂM 2026 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI, GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2026 - 2035, GIAI ĐOẠN I: TỪ NĂM 2026 ĐẾN NĂM 2030

Nguồn vốn: Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh và ngân sách xã

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2026 UBND xã Kon Braih)

ĐVT: Triệu đồng

ST T	Chủ đầu tư/ Đơn vị đầu mối giao kế hoạch vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia	Phân bổ kinh phí chi thường xuyên năm 2026				Ghi chú
		Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó:			
			NSTW	NS tỉnh	NS cấp xã	
	TỔNG CỘNG	1.626	1.195	283	148	
1	Phòng Xây dựng, nông nghiệp và môi trường	566	340	78	148	
2	Văn phòng HĐND-UBND	100	100			
3	Phòng Văn hóa - Xã hội	710	565	145		
4	Phòng Tài chính, Công thương	40	40			
5	Trung tâm phục vụ hành chính công	50	50			
6	Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã	100	100	0		
7	Công an xã	60	0	60	0	

*. Ngân sách cấp xã đối ứng 148 triệu đồng từ nguồn chi thường xuyên

PHỤ LỤC 2.1

DỰ TOÁN KINH PHÍ CHI THƯỜNG XUYÊN NĂM 2026 THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN THÀNH PHẦN THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI, GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI

Nguồn vốn: Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh và ngân sách xã

(Kèm theo Tờ trình số 132/TTr-UBND ngày 15 tháng 9 năm 2026 UBND xã Kon Braih)

ĐVT: Triệu đồng

TT	NỘI DUNG THÀNH PHẦN CỦA CHƯƠNG TRÌNH	Đơn vị thực hiện	PHÂN BỐ KINH PHÍ CHI THƯỜNG XUYÊN NĂM 2026				Ghi chú
			Tổng tất cả các nguồn vốn	NSTW	NS tỉnh	NS xã	
	TỔNG CỘNG (A+B)		1.626	1.195	283	148	
A	HỢP PHẦN THỨ NHẤT: CÁC NỘI DUNG CHUNG THỰC HIỆN TRÊN ĐỊA BÀN		966	680	138	148	
*	Nội dung thành phần 02: Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn toàn diện, đồng bộ, hiện đại, kết nối hiệu quả với đô thị và thích ứng với biến đổi khí hậu (gồm 14 nội dung cụ thể)		208	60	0	148	
-	Nội dung 03: Tăng cường năng lực phòng, chống thiên tai cấp xã nhằm chủ động phòng ngừa, ứng phó kịp thời, khắc phục hậu quả thiên tai có hiệu quả thông qua xây dựng hệ thống cảnh báo sớm, trang bị thiết bị thiết yếu, tổ chức lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai và tuyên truyền, phổ biến, tập huấn, hướng dẫn nâng cao nhận thức cộng đồng về phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu, nhất là tại các xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào DTTS&MN, an toàn khu, biên giới và hải đảo, vùng có nguy cơ rủi ro cao và dễ bị tổn thương do biến đổi khí hậu.	Phòng XD,NN&MT	73	0	0	73	
-	Nội dung 14: Quản lý vận hành và bảo trì công trình được đầu tư xây dựng sau khi hoàn thành đưa vào sử dụng; từng bước hình thành mô hình quản lý, vận hành, khai thác và cung cấp dịch vụ hạ tầng phù hợp.	Phòng XD,NN&MT	135	60	0	75	0
*	Nội dung thành phần 03: Phát triển kinh tế nông thôn theo hướng sinh thái, hiện đại, tích hợp đa giá trị và đáp ứng nhu cầu thị trường (gồm 10 nội dung cụ thể)		173	150	23	0	
-	Nội dung 01: Thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp và phát triển kinh tế nông thôn, tiểu thủ công nghiệp theo hướng sinh thái, hiện đại, tích hợp đa giá trị, phát huy lợi thế về địa hình, khí hậu, cảnh quan thiên nhiên, hạ tầng kinh tế xã hội và đáp ứng nhu cầu thị trường. Tập trung, ưu tiên áp dụng các quy trình sản xuất nông nghiệp giảm phát thải, nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn, bảo vệ tài nguyên; khuyến khích thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP, GlobalGAP), sử dụng vật tư nông nghiệp an toàn và truy xuất nguồn gốc	Phòng XD,NN&MT	40	40	0	0	

TT	NỘI DUNG THÀNH PHẦN CỦA CHƯƠNG TRÌNH	Đơn vị thực hiện	PHÂN BỐ KINH PHÍ CHI THƯỜNG XUYÊN NĂM 2026				Ghi chú
			Tổng tất cả các nguồn vốn	NSTW	NS tỉnh	NS xã	
	Nội dung 02: Tiếp tục củng cố và phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã hiệu quả, hiện đại, gắn với chuỗi giá trị và sinh kế bền vững ở nông thôn. Tập trung, ưu tiên hỗ trợ hợp tác xã, tổ hợp tác trên địa bàn các xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào DTTS&MN, an toàn khu, biên giới và hải đảo; hợp tác xã nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, chuyển đổi số, liên kết sản xuất và tiêu thụ với doanh nghiệp; hợp tác xã do phụ nữ tham gia quản lý, tạo việc làm cho lao động nữ	Phòng TCCT	40	40	0	0	
	Nội dung 04: Phát triển sản phẩm OCOP theo Bộ tiêu chí và quy trình đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, theo hướng chất lượng, đặc trưng, đa giá trị, thân thiện với môi trường, gắn với đẩy mạnh ứng dụng công nghệ trong chế biến, khai thác tiềm năng, lợi thế và giá trị văn hóa địa phương; xây dựng thương hiệu, mở rộng thị trường và thúc đẩy sản phẩm OCOP xanh. Tập trung, ưu tiên hỗ trợ cho các chủ thể là các hợp tác xã, tổ hợp tác, doanh nghiệp nhỏ và vừa, trang trại và hộ sản xuất có đăng ký kinh doanh trên địa bàn các xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào DTTS&MN, an toàn khu, biên giới và hải đảo; khuyến khích chủ thể là phụ nữ, người đồng	Phòng XD,NN&MT	55	55	0	0	
	Nội dung 08: Phát triển hệ thống sơ chế, chế biến nông sản theo hướng hiện đại, bền vững, gắn với vùng sản xuất hàng hóa tập trung và chuỗi ngành hàng; nâng cao khả năng bảo quản, chế biến sâu, đa dạng hóa sản phẩm và tăng giá trị gia tăng	Phòng XD,NN&MT	23	0	23	0	
	Nội dung 09: Phát triển mạng lưới khuyến nông cộng đồng gắn với nhu cầu phát triển sản xuất nông nghiệp và kinh tế nông thôn. Tập trung, ưu tiên cho địa bàn các xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào DTTS&MN, an toàn khu, biên giới và hải đảo	Phòng XD,NN&MT	15	15			
*	Nội dung thành phần 05: Nâng cao chất lượng dịch vụ hành chính công, trợ giúp pháp lý và thúc đẩy bình đẳng giới (gồm 04 nội dung cụ thể)		200	200	0	0	
-	Nội dung 02: Đổi mới toàn diện việc giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công không phụ thuộc địa giới hành chính	TT hành chính công	50	50			
	Nội dung 03: Nâng cao nhận thức, tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật và thụ hưởng dịch vụ trợ giúp pháp lý, hỗ trợ pháp lý, biện pháp bảo đảm, đăng ký biện pháp bảo đảm, bồi thường của Nhà nước cho người dân; tăng cường phổ biến, giáo dục pháp luật và hòa giải cơ sở, nhằm nâng cao ý thức thượng tôn Hiến pháp, pháp luật, xây dựng nếp sống và hành vi ứng xử theo pháp luật trong cộng đồng dân cư nông thôn, giải quyết tốt các mâu thuẫn, tranh chấp ở khu vực nông thôn, tập trung, ưu tiên người dân thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, nhóm dễ bị tổn thương, người dân tại các xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào DTTS&MN, an toàn khu, biên giới và hải đảo... Đánh giá tính thống nhất, đồng bộ, phù hợp và kiến nghị sửa đổi, bổ sung, thay thế, hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật về công tác xây dựng NTM, giảm nghèo, phát triển vùng đồng bào DTTS&MN thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của Bộ	Văn phòng HÈND-UBND	100	100	0	0	

TT	NỘI DUNG THÀNH PHẦN CỦA CHƯƠNG TRÌNH	Đơn vị thực hiện	PHÂN BỐ KINH PHÍ CHI THƯỜNG XUYÊN NĂM 2026				Ghi chú
			Tổng tất cả các nguồn vốn	NSTW	NS tỉnh	NS xã	
-	Nội dung 04: Tăng cường thực hiện lồng ghép giới trong xây dựng chính sách, chương trình về giảm nghèo, an sinh xã hội, xây dựng nông thôn mới, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN. Thúc đẩy bình đẳng giới trong công tác giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN ở địa phương. Đẩy mạnh truyền thông nhằm thay đổi định kiến giới. Tăng cường vai trò, vị thế của phụ nữ trong lãnh đạo, quản lý và phát triển cộng đồng; tổ chức triển khai các chỉ tiêu bình đẳng giới; nâng cao nhận thức về giới trong xây dựng cộng đồng văn minh, tiến bộ.	Phòng Văn hóa - Xã hội	50	50	0	0	
*	Nội dung thành phần 07: Xây dựng môi trường và cảnh quan nông thôn sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn và thích ứng với biến đổi khí hậu; tăng cường công tác bảo đảm an toàn thực phẩm tại khu vực nông thôn (gồm 04 nội dung cụ thể)		50	50	0	0	
	Nội dung 02: Kiểm soát, xử lý ô nhiễm và cải thiện chất lượng môi trường tại những khu vực tập trung nhiều nguồn thải, làng nghề và các khu vực mặt nước bị ô nhiễm; tăng cường giám sát môi trường dựa vào cộng đồng, khuyến khích sự tham gia của cộng đồng dân cư và các tổ chức đoàn thể trong giám sát nguồn thải, phát hiện sớm và phản ánh kịp thời các hành vi gây ô nhiễm môi trường	Phòng XD,NN&MT	0	0	0	0	
	Nội dung 03: Giữ gìn, cải tạo và phát triển cảnh quan môi trường nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, bảo tồn không gian làng quê, cảnh quan thiên nhiên và bản sắc văn hóa địa phương. Phát triển mô hình thôn sinh thái, khu dân cư kiểu mẫu, mở rộng không gian sinh hoạt cộng đồng; trồng cây xanh, cải tạo cảnh quan gắn với cộng đồng dân cư. Phát huy vai trò tự quản của cộng đồng trong duy trì môi trường sống hài hòa, an toàn và thân thiện với thiên nhiên. Xây dựng thí điểm một số mô hình “nông nghiệp xanh”	Phòng XD,NN&MT	50	50	0	0	
*	Nội dung thành phần 08: Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào DTTS&MN (gồm 05 nội dung cụ thể)		100	100	0	0	
-	Nội dung 01: Tuyên truyền, vận động phát huy vai trò chủ thể của người dân trong xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Triển khai hiệu quả Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng NTM, đô thị văn minh”; xây dựng, nhân rộng mô hình “Khu dân cư đoàn kết, ấm no, hạnh phúc”, tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về xây dựng nông thôn mới. Thực hiện công tác an sinh xã hội gắn với xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; thực hiện chuyển đổi số trong triển khai thực hiện Chương trình. Nâng cao chất lượng công tác giám sát, phản	Ủy ban mặt trận TQVN xã	30	30	0	0	
-	Nội dung 02: Triển khai hiệu quả Phong trào “Nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững”; xây dựng các chi Hội Nông dân nghề nghiệp, tổ Hội Nông dân nghề nghiệp theo nguyên tắc “5 tự”, “5 cùng”; Đề án “Hội Nông dân Việt Nam tham gia phát triển kinh tế tập thể trong nông nghiệp đến năm 2030”; Đề án “Tuyên truyền, vận động, hướng dẫn nông dân sản xuất, kinh doanh nông sản, thực phẩm an toàn vì sức khỏe cộng đồng giai đoạn 2026 - 2030”	Ủy ban mặt trận TQVN xã (Hội nông dân)	20	20	0	0	

TT	NỘI DUNG THÀNH PHẦN CỦA CHƯƠNG TRÌNH	Đơn vị thực hiện	PHÂN BỐ KINH PHÍ CHI THƯỜNG XUYÊN NĂM 2026				Ghi chú
			Tổng tất cả các nguồn vốn	NSTW	NS tỉnh	NS xã	
	Nội dung 03: Triển khai hiệu quả Đề án “Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2026-2035”; Đề án “Hỗ trợ HTX do phụ nữ tham gia quản lý, tạo việc làm cho lao động nữ đến năm 2030”; giải quyết các vấn đề xã hội liên quan đến phụ nữ và trẻ em	Ủy ban mặt trận TQVN xã (hội phụ nữ)	15	15	0	0	
	Nội dung 04: Thực hiện hiệu quả Cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch, 3 an”; vun đắp, gìn giữ giá trị tốt đẹp và phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam	Ủy ban mặt trận TQVN xã (hội phụ nữ)	10	10	0	0	
	Nội dung 05: Triển khai hiệu quả Chương trình hỗ trợ Thanh niên khởi nghiệp giai đoạn 2022-2030; Chương trình trí thức trẻ tình nguyện tham gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2026-2030; thúc đẩy phong trào “Tuổi trẻ chung tay xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035”	Ủy ban mặt trận TQVN xã Đoàn thanh niên)	25	25	0	0	
*	Nội dung thành phần 09: Bảo đảm quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội		60	0	60	0	
	Nội dung 02: An ninh, trật tự ở địa bàn cơ sở được bảo đảm, phát hiện, giải quyết kịp thời các nguy cơ tiềm ẩn về an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, những vấn đề phức tạp nảy sinh từ sớm, từ xa, từ cơ sở; đồng thời phải sẵn sàng các phương án để đối phó kịp thời và hiệu quả khi xảy ra tình huống phức tạp theo phương châm “bốn tại chỗ”, không để hình thành các điểm nóng phức tạp về an ninh, trật tự; kiểm chế, kéo giảm tội phạm, tai nạn giao thông, cháy, nổ trên địa bàn; phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động hiệu quả; lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở đảm bảo số lượng, chất lượng, điều kiện hoạt động; xây dựng, củng cố, nhân rộng các mô hình bảo đảm an ninh, trật tự, đặc biệt là các mô hình chuyển đổi số, mô hình camera AI giám sát an ninh khu vực nông thôn	Công an xã	60	0	60	0	
*	Nội dung thành phần 10: Nâng cao năng lực, truyền thông, giám sát, đánh giá; triển khai hiệu quả phong trào thi đua về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN (gồm 04 nội dung cụ thể)		175	120	55	0	
-	Nội dung 01: Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình ở các cấp; xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý Chương trình. Rà soát, đánh giá hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm	Phòng XD,NN&MT	70	70			
-	Nội dung 02: Xây dựng Chương trình, tài liệu và tổ chức bồi dưỡng, tập huấn, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng NTM, giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN, đặc biệt là cán bộ cơ sở; tập huấn, nâng cao nhận thức, năng lực, đổi mới tư duy của cộng đồng và người dân về xây dựng NTM, giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN; tập trung, ưu tiên cho các đối tượng thuộc xã thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào DTTS&MN	Phòng XD,NN&MT	50	50			
-	Nội dung 03: Đổi mới và nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác truyền thông về xây dựng NTM, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN	Phòng XD,NN&MT	40	0	40	0	

TT	NỘI DUNG THÀNH PHẦN CỦA CHƯƠNG TRÌNH	Đơn vị thực hiện	PHÂN BỐ KINH PHÍ CHI THƯỜNG XUYÊN NĂM 2026				Ghi chú
			Tổng tất cả các nguồn vốn	NSTW	NS tỉnh	NS xã	
-	Nội dung 04: Tổ chức triển khai hiệu quả phong trào thi đua “Cả nước thực hiện xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN” do Thủ tướng Chính phủ phát động	Phòng XD,NN&MT	15	0	15	0	
B	HỢP PHẦN THỨ HAI: CÁC NỘI DUNG ĐẶC THÙ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DTTS&MN		660	515	145	0	
*	Nội dung thành phần 02: Hỗ trợ phát triển sản xuất, tạo sinh kế và nâng cao thu nhập cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (gồm 06 nội dung cụ thể)		145	0	145	0	
	Nội dung 06: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hoá truyền thống tốt đẹp của các các đồng bào dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch	Phòng Văn hóa - Xã hội	145	0	145	0	
*	Nội dung thành phần 03: Phát triển nguồn nhân lực vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (gồm 04 nội dung cụ thể)		55	55	0	0	
	Nội dung 03: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em vùng đồng bào DTTS&MN; giảm thiểu tình trạng tảo hôn, hôn nhân cận huyết	Phòng Văn hóa - Xã hội	55	55	0	0	
*	Nội dung thành phần 04: Chính sách đặc thù hỗ trợ, phát triển các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù (gồm 01 nội dung cụ thể)		460	460	0	0	
	Nội dung 01: Chính sách đặc thù ưu tiên hỗ trợ, phát triển cộng đồng, hộ gia đình, cá nhân thuộc các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù trong phạm vi toàn quốc	Phòng Văn hóa - Xã hội	460	460	0	0	
*. Ngân sách cấp xã đối ứng 148 triệu đồng từ nguồn chi chi thường xuyên							